

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐẠT
KỲ ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA KỲ IV NĂM 2018**

Thời gian: Từ 21/04 - 23/04/2018

NGHỀ: CÔNG NGHỆ Ô TÔ BẬC 1

(Kèm theo Quyết định số /QĐ - ĐHCN ngày tháng năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh (định dạng 01-01-1990)	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
1	OT - 01	Kiều Văn Tuấn Anh	02/07/1987		x		001087016898	10/01/2017	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và DLQG Về Dân Cư
2	OT - 02	Trần Văn Chương	16/10/1972		x		012356112	10/02/2006	CA. Hà Nội
3	OT - 03	Nguyễn Văn Cường	17/03/1973		x		011805750	05/12/2012	CA. Hà Nội
4	OT - 04	Trương Văn Đăng	15/08/1985		x		121601466	16/03/2007	CA. Bắc Giang

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh (định dạng 01-01-1990)	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
5	OT - 05	Trần Văn Điền	12/10/1989		x		024089000046	12/03/2015	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và DLQG Về Dân Cư
6	OT - 06	Vũ Đức Doanh	14/11/1969		x		013629166	27/03/2013	CA. Hà Nội
7	OT - 07	Cao Phi Đức	13/01/1983		x		001083015004	29/03/2016	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và DLQG Về Dân Cư
8	OT - 08	Nguyễn Văn Đức	21/02/1986		x		030086005443	24/08/2017	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và DLQG Về Dân Cư
9	OT - 09	Lê Phúc Đức	15/02/1981		x		012262270	21/06/2012	CA. Hà Nội
10	OT - 10	Nguyễn Mạnh Đức	10/09/1983		x		111142796	17/10/2009	CA. Hà Nội

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh (định dạng 01-01-1990)	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
11	OT - 13	Lê Thanh Hà	13/11/1980		x		012108374	30/10/2008	CA. Hà Nội
12	OT - 14	Hoàng Tú Hà	04/07/1970		x		001070002530	24/11/2014	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và DLQG Về Dân Cư
13	OT - 15	Lưu Đình Hải	15/10/1979		x		171186561	04/07/2012	CA. Thanh Hóa
14	OT - 16	Lại Đức Hải	30/08/1973		x		001073012019	29/11/2016	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và DLQG Về Dân Cư
15	OT - 17	Trần Đức Hạnh	22/12/1977		x		001077010305	23/05/2016	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và DLQG Về Dân Cư
16	OT - 18	Nguyễn Duy Hiễn	10/05/1981		x		001081008732	05/08/2015	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và DLQG Về Dân Cư

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh (định dạng 01-01-1990)	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
17	OT - 19	Đào Văn Hiến	01/05/1982		x		001082025790	27/12/2017	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và DLQG Về Dân Cư
18	OT - 20	Nguyễn Duy Hiến	18/10/1979		x		012074615	29/12/2011	CA. Hà Nội
19	OT - 21	Nguyễn Trung Hiếu	16/11/1984		x		001084006202	10/02/2015	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và DLQG Về Dân Cư
20	OT - 22	Tạ Văn Hiệu	30/06/1987		x		070754192	23/11/2006	CA. Tuyên Quang
21	OT - 23	Vũ Ngọc Hoan	05/02/1978		x		125763998	14/03/2013	CA. Bắc Ninh
22	OT - 24	Vũ Đăng Hoàn	20/05/1972		x		125902179	26/10/2016	CA. Bắc Ninh

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh (định dạng 01-01-1990)	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
23	OT - 25	Nguyễn Hữu Hoàng	03/09/1973		x		011999527	23/09/2012	CA. Hà Nội
24	OT - 26	Nguyễn Phan Hoàng	13/08/1969		x		125299614	30/07/2015	CA. Bắc Ninh
25	OT - 27	Chu Tiến Hùng	04/02/1987		x		001087003688	11/11/2014	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và DLQG Về Dân Cư
26	OT - 28	Trần Mạnh Hùng	20/10/1967		x		001067007614	10/11/2016	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và DLQG Về Dân Cư
27	OT - 29	Kim Văn Hùng	20/05/1982		x		111648663	23/12/2011	CA. Hà Nội
28	OT - 30	Ngô Quốc Huy	1976		x		011802703	24/07/2009	CA. Hà Nội

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh (định dạng 01-01-1990)	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
29	OT - 31	Trần Như Khoa	12/08/1982		x		001082002789	11/07/2014	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và DLQG Về Dân Cư
30	OT - 32	Nguyễn Hoài Linh	15/11/1980		x		011915469	11/07/2008	CA. Hà Nội
31	OT - 33	Nguyễn Văn Long	02/06/1984		x		012491800	21/05/2010	CA. Hà Nội
32	OT - 34	Nguyễn Văn Lý	17/07/1975		x		001075005164	03/06/2015	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và DLQG Về Dân Cư
33	OT - 35	Đỗ Trần Mạnh	05/05/1986		x		125306484	07/04/2015	CA. Bắc Ninh
34	OT - 36	Nguyễn Văn Mão	1975		x		001075007519	20/11/2015	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và DLQG Về Dân Cư

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh (định dạng 01-01-1990)	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
35	OT - 37	Vũ Tiến Minh	26/06/1983		x		012364304	12/03/2004	CA. Hà Nội
36	OT - 38	Đặng Văn Minh	07/09/1967		x		001067001564	23/10/2014	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và DLQG Về Dân Cư
37	OT - 39	Nguyễn Trung Nguyên	16/11/1984		x		012696164	03/12/2011	CA. Hà Nội
38	OT - 40	Bùi Thị Ánh Nguyệt	25/04/1983			x	026183004725	05/01/2018	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và DLQG Về Dân Cư
39	OT - 41	Nguyễn Thống Nhất	14/01/1976		x		012674361	17/03/2012	CA. Hà Nội
40	OT - 42	Đinh Tân Phú	20/10/1986		x		001086008497	02/10/2015	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và DLQG Về Dân Cư

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh (định dạng 01-01-1990)	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
41	OT - 43	Phan Duy Phương	09/03/1982		x		001082001176	14/11/2013	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và DLQG Về Dân Cư
42	OT - 44	Bùi Văn Quân	03/09/1970		x		230968691	11/03/2010	CA. Gia Lai
43	OT - 45	Phạm Văn Sinh	12/06/1958		x		024058000017	20/12/2016	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và DLQG Về Dân Cư
44	OT - 46	Trần Văn Sơn	12/01/1972		x		011619615	27/09/2006	CA. Hà Nội
45	OT - 47	Nguyễn Văn Sử	14/10/1975		x		012562311	16/12/2013	CA. Hà Nội
46	OT - 48	Lê Toàn Thắng	23/05/1975		x		145712473	28/07/2011	CA. Hưng Yên

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh (định dạng 01-01-1990)	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
47	OT - 49	Nguyễn Ngọc Thanh	07/03/1976		x		001076009347	08/03/2016	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và DLQG Về Dân Cư
48	OT - 50	Phùng Chí Thành	18/12/1983		x		012289545	16/10/2006	CA. Hà Nội
49	OT - 51	Nguyễn Văn Thảo	28/06/1981		x		001081007879	22/06/2015	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và DLQG Về Dân Cư
50	OT - 52	Phí Văn Thiết	13/06/1972		x		034072001019	27/03/2015	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và DLQG Về Dân Cư
51	OT - 53	Phạm Văn Thiều	28/05/1982		x		012447440	23/11/2013	CA. Hà Nội
52	OT - 54	Hoàng Văn Thịnh	28/12/1977		x		011901449	03/04/2006	CA. Hà Nội

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh (định dạng 01-01-1990)	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
53	OT - 55	Phạm Hữu Thoang	1966		x		231069819	11/10/2011	CA Gia Lai
54	OT - 56	Nguyễn Văn Tiến	19/03/1977		x		012156781	19/03/2010	CA. Hà Nội
55	OT - 57	Lê Trọng Tinh	15/01/1981		x		012963130	04/04/2008	CA. Hà Nội
56	OT - 58	Nguyễn Xuân Triệu	13/11/1969		x		011407641	20/03/2007	CA. Hà Nội
57	OT - 60	Lý Quốc Trung	06/03/1978		x		012016941	29/06/2010	CA. Hà Nội
58	OT - 61	Chu Văn Trung	15/11/1993		x		001093011573	05/10/2016	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và DLQG Về Dân Cư

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh (định dạng 01-01-1990)	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
59	OT - 62	Trần Thế Tuấn	19/04/1973		x		001073003412	10/07/2017	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và DLQG Về Dân Cư
60	OT - 63	Đỗ Anh Tuấn	19/04/1979		x		001079009119	01/12/2015	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và DLQG Về Dân Cư
61	OT - 64	Lương Anh Tuấn	30/03/1973		x		001073008658	15/04/2016	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và DLQG Về Dân Cư
62	OT - 65	Hà Minh Tuấn	16/05/1969		x		001069000226	28/03/2013	Cục Cảnh Sát QLHC Về TTXH
63	OT - 66	Nguyễn Ngọc Tuyển	1974		x		125249361	22/08/2017	CA. Bắc Ninh
64	OT - 67	Đoàn Đình Việt	14/08/1984		x		001084014857	25/04/2016	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và DLQG Về Dân Cư

TT	Số hiệu kiểm tra	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh (định dạng 01-01-1990)	Ảnh nền trắng	Giới tính		Chứng minh thư / Căn cước công dân/Hộ chiếu		
					Nam	Nữ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp
65	OT - 68	Vũ Minh Vương	07/02/1983		x		001083021849	18/01/2017	Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú và DLQG Về Dân Cư